TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
----------	----------

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22/01/2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thu Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Trần Thảo
Bà Lê Thị Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Kim Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 583/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2020, về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXX-ST ngày 04/01/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm: 1986 (Có mặt)

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Số 33, Tổ 24, phường M, quận C, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Phạm Đình H – Sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Số 33, Tổ 24, phường M, quận C, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:***

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh H vào ngày 17/11/2003. Lúc mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2019 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn càng trầm trọng hơn khi anh H thường xuyên chơi bời, cờ bạc, chị H đã khuyên nhủ rất nhiều, nhưng không có kết quả, điều này ảnh hưởng đến tình hình học tập và cuộc sống hàng ngày của chị và các con. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình H có 02 con chung là Phạm Minh Đ, sinh ngày 27/6/2004 và Phạm Tuấn V, sinh ngày 28/7/2015. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cả hai cháu Phạm Minh Đ và Phạm Tuấn V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Đình H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện nộp cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Ngoài những yêu cầu trên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

**** Tại bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Đình H trình bày:***

- Về tình cảm: Anh Phạm Đình H xác nhận anh H và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh H ngày 17/11/2003. Lúc mới kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H thường xuyên chơi bời, cờ bạc, phá phách công việc làm ăn của chị H, không quan tâm chăm sóc gia đình. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh H không đồng ý vì xác định vẫn còn tình cảm với chị H và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

- Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Phạm Minh Đ, sinh ngày 27/6/2004 và Phạm Tuấn V, sinh ngày 28/7/2015. Trong trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giao cả hai con chung Phạm Minh Đ và Phạm Tuấn V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Do công việc của anh không ổn định nên đề nghị Tòa án tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên anh H không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tòa án đã yêu cầu chị H đưa con chung là cháu Phạm Minh Đ, sinh ngày 27/6/2004 đến tòa để xem xét nguyện vọng của cháu theo quy định của pháp luật. Tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ là Nguyễn Thị H.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố nơi anh H chị H sinh sống cũng như tại gia đình anh H, được bố mẹ anh H cho biết anh H chị H mâu thuẫn đã lâu, liên tục cãi, chửi nhau làm ảnh hưởng đến gia đình và kết quả học tập của các con. Ông bà cũng đã hòa giải khuyên bảo anh chị rất nhiều nhưng không có kết quả, chị H và các con đã dọn ra ngoài ở riêng. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy đinh của pháp luật để các bên sớm ổn định cuộc sống. Tổ trưởng tổ dân phố nơi chị H và anh H sinh sống cũng đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Chị H cương quyết xin ly hôn với anh H và giữ nguyên những ý kiến đã trình bày về con chung, tài sản chung, nhà ở và công nợ.

Về phía anh H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, tuy nhiên anh H chỉ đến tham gia một phiên hòa giải duy nhất, sau đó có đơn xin vắng mặt tại các buổi tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải tiếp theo và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình tranh tụng, Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy nhận thấy Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật có tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, thu thập đầy đủ các chứng cứ, thực hiện trình tự cấp, tống đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn. Tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đảm bảo nguyên tắc xét xử, sự có mặt của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đúng quy định; Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Đình H ; Về con chung: Giao các con chung là Phạm Minh Đ và Phạm Tuấn V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Đình H cho đến khi chị H có yêu cầu; Về tài sản chung, vay nợ: Do chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng, lời trình bày của đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn anh Phạm Đình H tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia định quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh Phạm Đình H có địa chỉ cư trú tại: số Số 33, Tổ 24, phường M, quận C, Thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận C, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh H vào ngày 17/11/2003, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình H là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không quan tâm, chăm sóc yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tại buổi hòa giải ngày 23/12/2020, chị H cương quyết xin ly hôn với anh H, anh H không đồng ý ly hôn với chị H, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh H không đưa ra được

phương án hòa giải nào và xin vắng mặt tại các buổi hòa giải tiếp theo cũng như tại phiên tòa.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại tổ dân phố nơi anh H chị H sinh sống cũng như tại gia đình anh H, được bố mẹ anh H cho biết anh H chị H mâu thuẫn đã lâu, liên tục cãi, chửi nhau làm ảnh hưởng đến gia đình và kết quả học tập của các con. Ông bà cũng đã hòa giải khuyên bảo anh chị rất nhiều nhưng không có kết quả, chị H đã dọn ra ngoài ở riêng. Nay chị H có đơn xin ly hôn với anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để các bên sớm ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải dựa trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế qua các buổi làm việc tại Tòa án, xác minh tại nơi cư trú, tại gia đình của chị H và anh H cho thấy tình trạng hôn nhân của chị H, anh H mâu thuẫn đã ở mức độ trầm trọng kéo dài, Tòa án đã tạo điều kiện cho các bên có thời gian tự hòa giải và Tòa án trực tiếp hòa giải nhưng không đạt kết quả. Bản thân anh H không có trách nhiệm với gia đình, cả hai không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Cuộc hôn nhân của chị H và anh H không còn tuân thủ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đình H có 02 con chung là Phạm Minh Đ, sinh ngày 27/6/2004 và Phạm Tuấn V, sinh ngày 28/7/2015. Ly hôn chị H đề nghị Tòa án giao cả hai con chung Phạm Minh Đ và Phạm Tuấn V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Phạm Đình H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có sự thay đổi khác. Về phía anh H cũng đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Thỏa thuận nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của chị H, anh H là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được ghi nhận.

Chị H, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, nếu sau này có căn cứ, có yêu cầu thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Biên lai thu số 0020586 ngày 23 tháng 11 năm 2020) nay được chuyển thành án phí.

- Căn cứ điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Đình H.

[2] Về con chung: Giao các con chung là Phạm Minh Đ, sinh ngày 27/6/2004 và Phạm Tuấn V, sinh ngày 28/7/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc các bên có yêu cầu thay đổi khác.

Chị H, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu bên nào lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, nếu sau này có căn cứ, có yêu cầu thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (Biên lai thu số 0020586 ngày 23 tháng 11 năm 2020) nay được chuyển thành án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị H, vắng mặt anh Phạm Đình H. Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND quận C;
- VKSND quận C;
- Chi cục THADS quận C;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh H;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Thu Hiền